

**CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ
CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 19

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Chủ tịch
Ông Vũ Trọng Toàn	Phó Chủ tịch
Ông Đoàn Văn An	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Minh	Ủy viên
Ông Bùi Ngọc Hưng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Tuấn Anh	Giám đốc
Ông Bùi Ngọc Hưng	Phó Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Phương	Phó Giám đốc
Ông Hồ Thanh Quang	Phó Giám đốc
Bà Hoàng Thu Hằng	Phó Giám đốc
Bà Tổng Thị Xuân	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 6/1/2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

012
CỔ
CH NỆ
ĐỀ
TỆ
Đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 20, ngõ 4 phố Hải Phượng, phường Hồng Hải
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Số: 123 /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 4 đến trang 19. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011 phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 12 tháng 8 năm 2011
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

30.
TY
HUU
TTI
NAM
IP

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		405.436.419.962	334.755.889.060
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	304.872.825.276	270.252.386.598
1. Tiền	111		14.346.151.101	127.367.386.598
2. Các khoản tương đương tiền	112		290.526.674.175	142.885.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8.472.144.926	48.751.887.096
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.646.167.251	54.651.502.631
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(10.174.022.325)	(5.899.615.535)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		18.917.092.642	5.172.303.978
1. Trả trước cho người bán	132		14.355.539.706	2.447.456.606
2. Các khoản phải thu khác	135	7	4.561.552.936	2.724.847.372
IV. Hàng tồn kho	140		108.913.007	-
1. Hàng tồn kho	141		108.913.007	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.065.444.111	10.579.311.388
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		189.011.092	331.797.272
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.062.181.379	5.102.252.832
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	8	62.814.251.640	5.145.261.284
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		944.333.643.495	689.475.079.805
I. Tài sản cố định	220		537.360.158.112	443.881.116.205
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	2.495.005.519	2.322.346.183
- Nguyên giá	222		5.896.750.309	5.299.994.531
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.401.744.790)	(2.977.648.348)
2. Tài sản cố định vô hình	227		53.733.065	31.008.065
- Nguyên giá	228		163.100.000	128.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(109.366.935)	(96.991.935)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	534.811.419.528	441.527.761.957
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	378.687.568.599	204.687.568.599
1. Đầu tư dài hạn khác	258		379.000.000.000	205.000.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(312.431.401)	(312.431.401)
III. Tài sản dài hạn khác	260		28.285.916.784	40.906.395.001
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		611.256.784	507.895.001
2. Tài sản dài hạn khác	268	12	27.674.660.000	40.398.500.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.349.770.063.457	1.024.230.968.865

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011

MÃ SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2011		31/12/2010	
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		775.388.434.527		571.081.067.847	
I. Nợ ngắn hạn	310		560.072.831.590		491.375.464.910	
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	240.000.000.000		240.000.000.000	
2. Phải trả người bán	312		23.879.219.800		45.310.372.650	
3. Người mua trả tiền trước	313		625.295.000		-	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	3.404.620.601		6.182.074.453	
5. Phải trả người lao động	315		748.503.591		2.688.150.400	
6. Chi phí phải trả	316		500.000.000		245.096.500	
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	286.786.235.522		195.599.919.248	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.128.957.076		1.349.851.659	
II. Nợ dài hạn	330		215.315.602.937		79.705.602.937	
1. Phải trả dài hạn khác	333	16	40.300.000.000		79.690.000.000	
2. Vay và nợ dài hạn	334	17	175.000.000.000		-	
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		15.602.937		15.602.937	
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400	18	574.381.628.930		453.149.901.018	
I. Vốn chủ sở hữu	410		574.381.628.930		453.149.901.018	
1. Vốn điều lệ	411		531.009.130.000		395.718.480.000	
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.788.944.000		7.810.001.000	
3. Cổ phiếu quỹ	414		(5.223.613.685)		-	
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.496.251.532		4.986.539.870	
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		2.782.905.464		1.528.049.633	
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.528.011.619		43.106.830.515	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.349.770.063.457		1.024.230.968.865	



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán trưởng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		-	-
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		-	-
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		-	-
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		-	-
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	41.094.498.324	14.221.566.105
7. Chi phí tài chính	22		4.274.437.590	959.662.142
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		9.306.096.474	5.838.675.925
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-24-25)	30		27.513.964.260	7.423.228.038
11. Thu nhập khác	31		117.203.900	369.041.110
12. Chi phí khác	32		1.447.763	85.000.000
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		115.756.137	284.041.110
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		27.629.720.397	7.707.269.148
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	20	6.930.375.476	1.827.513.788
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.699.344.921	5.879.755.360
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	21	425	196



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán trưởng

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011


MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	27.629.720.397	7.707.269.148
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	524.325.173	460.424.376
- Các khoản dự phòng	03	4.274.406.790	766.524.468
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(41.093.050.561)	(14.414.703.779)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(8.664.598.201)	(5.480.485.787)
- (Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(1.240.208.573)	451.492.524
- (Tăng) hàng tồn kho	10	(108.913.007)	-
- Tăng các khoản phải trả	11	86.397.900.006	3.886.690.203
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước và các tài sản khác	12	(6.132.494.424)	3.115.217.214
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(9.500.000.000)	(1.246.887.212)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	12.723.840.000	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(96.478.129.208)	(302.968.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(23.002.603.407)	423.058.942
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(126.269.913.043)	(71.248.530.984)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(232.000.000.000)	(72.403.208.171)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	270.000.000.000	146.477.573.575
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(175.994.664.620)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	39.275.734.433	14.709.051.663
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(224.988.843.230)	17.534.886.083
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	139.269.593.000	-
2. Tiền chi mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(5.223.613.685)	-
3. Tiền vay dài hạn nhận được	33	175.000.000.000	-
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(26.434.094.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	282.611.885.315	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	34.620.438.678	17.957.945.025
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	270.252.386.598	40.683.722.341
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	304.872.825.276	58.641.667.366



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc


Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam - tiền thân là Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên - được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000579 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 17 tháng 11 năm 2006. Ngày 17 tháng 3 năm 2008, Công ty Cổ phần Dầu khí Tân Viên đổi tên thành Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty” hay “PVR”) theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai. Ngày 25 tháng 3 năm 2010, Công ty chuyển trụ sở chính về thành phố Hạ Long và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ sáu và sửa đổi địa chỉ trụ sở chính theo Giấy chứng nhận kinh doanh lần thứ bảy ngày 19 tháng 8 năm 2010. Ngày 28 tháng 2 năm 2011, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ tám ngày 19 tháng 4 năm 2011.

Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo Quyết định số 346/QĐ-SGDCKHN ngày 10 tháng 6 năm 2010.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 94 (tại ngày 31 tháng 12 năm 2010: 81 người).

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 20, ngõ 4, phố Hải Phụng, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Công ty có Văn phòng đại diện đặt tại Tầng 1 - Tòa nhà Viện Dầu khí, phường Yên Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, một chi nhánh tại xã Cẩm Linh, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và một chi nhánh tại số 20, ngõ 4, phố Hải Phụng, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

Hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và khí tự nhiên;
- Kinh doanh bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Kinh doanh hoạt động của các cơ sở thể thao;
- Kinh doanh hoạt động vui chơi giải trí khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh điều hành tua du lịch;
- Kinh doanh nhà hàng và dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Kinh doanh bán buôn tổng hợp;
- Kinh doanh đại lý du lịch;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn hạn;
- Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch;
- Kinh doanh hoạt động thể thao khác;
- Kinh doanh hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm;
- Kinh doanh sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Đây là báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty và quyết định chưa áp dụng cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 30 tháng 6 năm 2011.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành như sau:

Từ ngày 01/01/2011

đến ngày 30/6/2011

(Số năm)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị phần mềm máy tính và chi phí thiết kế website của Công ty, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các tài sản cố định vô hình của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn được ghi nhận theo giá gốc, là các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng, dưới 1 năm tại các ngân hàng và tổ chức tín dụng và chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán. Các khoản đầu tư dài hạn phản ánh các khoản mua cổ phần của các công ty cổ phần và các khoản tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên một năm. Các khoản đầu tư được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính được xác định riêng cho từng khoản đầu tư có tổn thất theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

Ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là lãi thu từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn và các khoản lãi tiền gửi ngân hàng và lãi ủy thác quản lý vốn.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bình cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế tương ứng.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tiền mặt	2.456.557.564	1.941.650.896
Tiền gửi ngân hàng	11.889.593.537	125.425.735.702
Các khoản tương đương tiền (i)	290.526.674.175	142.885.000.000
	<u>304.872.825.276</u>	<u>270.252.386.598</u>

(i) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trong vòng 3 tháng tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 20, ngõ 4 phố Hải Phụng, phường Hồng Hải
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm	-	17.000.000.000
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	18.646.167.251	17.651.502.631
	18.646.167.251	54.651.502.631
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	(10.174.022.325)	(5.899.615.535)
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	8.472.144.926	48.751.887.096

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, ủy thác quản lý vốn dự thu	4.376.305.558	2.557.541.667
Các khoản phải thu khác	185.247.378	167.305.705
	4.561.552.936	2.724.847.372

8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tạm ứng	3.860.664.461	2.545.312.404
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn (i)	58.953.587.179	2.599.948.880
	62.814.251.640	5.145.261.284

(i) Khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn chủ yếu bao gồm số tiền đặt cọc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cổ phần ngày 08 tháng 02 năm 2011 với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương (OCH) để mua lại số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An do OCH nắm giữ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, PVR đã chuyển tiền đặt cọc cho OCH là 50.000.000.000 đồng.

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYỄN GIÁ			
Tại ngày 01/01/2011	3.806.280.001	1.493.714.530	5.299.994.531
Mua trong kỳ	-	686.057.272	686.057.272
Giảm trong kỳ	-	(89.301.494)	(89.301.494)
Tại ngày 30/6/2011	3.806.280.001	2.090.470.308	5.896.750.309
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Tại ngày 01/01/2011	2.077.480.775	900.167.573	2.977.648.348
Khấu hao trong kỳ	311.745.697	200.204.476	511.950.173
Giảm trong kỳ	-	(87.853.731)	(87.853.731)
Tại ngày 30/6/2011	2.389.226.472	1.012.518.318	3.401.744.790
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 30/6/2011	1.417.053.529	1.077.951.990	2.495.005.519

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Dự án CT10-11 Văn Phú (i)	452.859.284.998	392.004.404.065
Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT 15 - Việt Hưng (ii)	56.747.606.357	33.424.128.524
Dự án Khu du lịch Hồ Suối Hai (iii)	11.211.991.917	9.996.420.458
Dự án Trung tâm thương mại tài chính, văn phòng và khách sạn thuộc Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long (iv)	13.968.151.645	6.102.808.910
Dự án số 9 Trần Thánh Tông	4.899.200	-
Dự án Khu đô thị sinh thái Thương mại Dịch vụ Đào Việt	19.485.411	-
	534.811.419.528	441.527.761.957

- (i) Dự án CT10-11 Văn Phú thuộc Tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại Văn Phú, Khu đô thị mới Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội: Công ty đã nhận chuyển nhượng dự án từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest theo hợp đồng chuyển nhượng quyền phát triển dự án số 55/2010/VPI-PVR ngày 27 tháng 9 năm 2010 với diện tích 7.023 m² xây dựng chung cư kết hợp Trung tâm thương mại. Theo Nghị quyết số 741/NQ-PVR-DHĐCĐ ngày 14 tháng 9 năm 2010, tổng vốn đầu tư dự kiến là 1.454,5 tỷ đồng. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, Công ty phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang".
- (ii) Dự án xây dựng chung cư để bán tại khu đô thị mới Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội: Ngày 11 tháng 12 năm 2009, Công ty đã ký hợp đồng liên danh với Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP về việc tham gia đấu thầu và thực hiện đầu tư Dự án Tổ hợp căn hộ và dịch vụ chung cư CT15 - Việt Hưng, quận Long Biên, Hà Nội. Công ty được ủy quyền làm đại diện liên danh, chịu trách nhiệm trước bên mời thầu về mọi công việc, mọi giao dịch có liên quan đến việc thực hiện gói thầu. Dự kiến tổng mức đầu tư toàn dự án là 560,727 tỷ đồng và Công ty cam kết góp 20% vốn của dự án, tương đương 112,145 tỷ đồng trong đó vốn tự có là 30% và 70% là vốn vay từ các ngân hàng và tổ chức tín dụng. Ngày 30 tháng 12 năm 2009, Sở Tài chính thành phố Hà Nội đã có Quyết định số 6696/QĐ-STC về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất để xây dựng nhà chung cư tại lô đất CT15 - khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội với diện tích 8.847 m² cho liên danh các công ty: Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí (PVR), Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP. Hiện tại, Công ty đang trong giai đoạn chuẩn bị triển khai dự án, do vậy chưa phân định rõ diện tích để bán và diện tích kinh doanh thương mại. Theo đó, Công ty phản ánh toàn bộ chi phí phát sinh trên khoản mục "Chi phí xây dựng cơ bản dở dang". Công ty đã ký kết hợp đồng số 79/2011/VPL-PVR ngày 2 tháng 3 năm 2011 về việc chuyển nhượng vốn góp và các quyền và nghĩa vụ kèm theo. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land chuyển nhượng lại cho Công ty 10% vốn góp vào dự án, tương đương 56,073 tỷ đồng và nâng tổng số vốn cam kết của Công ty vào dự án là 30%. Tại ngày 30 tháng 06 năm 2011, các bên liên doanh đã chuyển 1.650.793.536 đồng cho Công ty (Thuyết minh số 15) và Công ty đang ghi nhận và phản ánh toàn bộ giá trị xây dựng cơ bản dở dang của dự án trên báo cáo tài chính.
- (iii) Chi phí xây dựng dở dang phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dự án Khu du lịch Suối Hai đang trong quá trình chuẩn bị đầu tư của Công ty. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang này chủ yếu là chi phí tư vấn lập qui hoạch xây dựng, cung cấp bản đồ địa hình, chi phí tư vấn khảo sát, lập phương án kỹ thuật thi công, v.v.
- (iv) Dự án Trung tâm thương mại tài chính, văn phòng và khách sạn thuộc Khu trung tâm Cột đồng hồ, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh: Ngày 29 tháng 01 năm 2010, Công ty đã nhận được Quyết định số 281/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể mặt bằng tỷ lệ 1/500 tổ hợp Trung tâm thương mại, tài chính, văn phòng và khách sạn tại phường Bạch

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỠ DANG (TIẾP THEO)

tổng vốn đầu tư của dự án dự kiến là 500 tỷ đồng, trong đó vốn góp dự kiến của hai bên là 150 tỷ đồng: PVR góp 51% tương đương 76,5 tỷ đồng; Megastar Land góp 49% tương đương 73,5 tỷ đồng. Lợi nhuận và rủi ro của dự án được phân chia theo tỷ lệ góp vốn.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Đầu tư chứng khoán	213.000.000.000	38.000.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An	175.000.000.000	-
- Công ty CP Dịch vụ Vận tải Dầu khí Cừu Long	15.000.000.000	15.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư KCN Dầu khí IDICO Long Sơn	12.000.000.000	12.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển PVI (PVI-Invest)	11.000.000.000	11.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn thu hồi trên 1 năm	166.000.000.000	167.000.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(312.431.401)	(312.431.401)
	378.687.568.599	204.687.568.599

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2011, Công ty đã đánh giá một cách thận trọng sự giảm giá các khoản đầu tư này và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư có suy giảm về giá trị trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư.

12. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

Tài sản dài hạn khác chủ yếu phản ánh số tiền đặt cọc cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng để đầu tư xây dựng 10 tầng của tòa nhà 35 tầng tại ngõ 409 đường Lĩnh Nam, quận Hoàng Mai theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh ký ngày 05 tháng 5 năm 2010 và thỏa thuận điều chỉnh ngày 22 tháng 10 năm 2010. Tổng số tiền Công ty sẽ thực hiện góp vốn hợp tác đầu tư khoảng 345,504 tỷ đồng. Số tiền đã đặt cọc sẽ được tự động chuyển thành vốn góp của Công ty vào thời điểm hoàn thành xây dựng móng đến cốt tự nhiên của tòa nhà. Theo quy định tại Hợp đồng hợp tác đầu tư và kinh doanh, các bên tham gia Hợp đồng đồng ý phân chia sản phẩm riêng rẽ cho các bên. Theo đó, Công ty được quyền hưởng phân chia sản phẩm đối với toàn bộ diện tích sản phẩm kinh doanh của 10 tầng của tòa nhà này. Công ty có toàn quyền chủ động sử dụng, sở hữu kinh doanh, hưởng lợi nhuận/chịu lỗ và định đoạt đối với toàn bộ sản phẩm kinh doanh được phân chia. Trên thực tế cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng chỉ bàn giao cho Công ty 10 sản (theo HĐ 06/Công ty là 15 sản). Do đó, với 05 sản còn lại bên Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng đã tiến hành làm thanh lý và bồi hoàn cho Công ty tiền chênh lệch giá là 0,5triệu đồng/m². Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng đã chuyển trả số tiền: 11.848.100.000 đ trong đó gồm 6.449.600.000 tiền đặt cọc 5 sản và 5.398.500.000 tiền bồi thường 05 sản. Tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2011, Công ty đã thanh lý tiếp 2 sản 26 và 27 cho Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng và Công ty TNHH Kinh doanh nhà Vĩnh Hưng đã chuyển trả Công ty là 12.723.840.000 đồng trong đó hoàn trả 5.800.000.000 đồng bằng tiền và 6.923.840.000 đồng trừ vào tiền đặt cọc.

13. VAY NGẮN HẠN

Vay ngắn hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền rút tối đa là 250 tỷ đồng trong thời hạn 12 tháng cho mục đích "Bổ sung vốn nhận chuyển nhượng quyền phát triển dự án - Tòa nhà CT10-11- Tại tổ hợp chung cư cao tầng và dịch vụ thương mại văn phòng Văn Phú CT07, CT09, CT10, CT11, CT06 - Khu đô thị mới Văn Phú từ Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest. Khoản vay được giải ngân là 240 tỷ đồng vào ngày 30 tháng 9 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất, công trình xây dựng trên đất và các khoản thu nhập, lợi ích phát sinh từ dự án đầu tư xây dựng Tòa nhà CT10-11. Giá trị tạm tính của tài sản thế chấp là 380 tỷ đồng (bằng giá trị chuyển nhượng giữa Công ty và Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Invest). Khoản vay lãi suất cố định ngày 30 tháng 06 năm 2011 là 18,5%. lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.362.938.600	5.927.826.474
Các loại thuế khác	41.682.001	254.247.979
	3.404.620.601	6.182.074.453

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Văn Phú (1)	245.694.880.043	166.239.346.493
Nhận tiền góp vốn vào Dự án Vĩnh Hưng (1)	35.627.448.000	27.559.640.000
Phải trả theo hợp đồng hợp tác kinh doanh (2)	1.650.793.536	1.650.793.536
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Kinh phí Công đoàn	154.022.280	76.834.680
Phải trả khác (3)	3.659.091.663	73.304.539
	286.786.235.522	195.599.919.248

- (1) Công ty nhận tiền của các nhà đầu tư theo các hợp đồng góp vốn, theo đó, khi dự án đủ điều kiện để bán căn hộ theo quy định của pháp luật, nhà đầu tư được quyền mua căn hộ theo giá trị đã thỏa thuận trên hợp đồng góp vốn.
- (2) Công ty nhận tiền góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land và Công ty TNHH Đầu tư NNP theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 002/2010/HTKD ngày 31/5/2010 đầu tư vào dự án xây dựng nhà chung cư lô đất CT15 - khu đô thị mới Việt Hưng, phường Giang Biên, quận Long Biên, Hà Nội. Đến ngày 2 tháng 3 năm 2011, với sự đồng ý của Công ty TNHH Đầu tư NNP, Công ty đã ký kết hợp đồng số 79/2011/VPL-PVR. Theo đó, Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú Land đồng ý chuyển nhượng và Công ty đồng ý nhận chuyển nhượng một phần vốn góp của Công ty Cổ phần Đầu tư Văn Phú - Land liên quan đến dự án. Sau khi chuyển nhượng Công ty và NNP là hai bên góp vốn còn lại sở hữu tỷ lệ tương ứng như sau: Công ty chiếm 30% và NNP chiếm 70% tổng giá trị vốn góp của Dự án.
- (3) Khoản phải trả khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 bao gồm số cổ tức năm 2010 chưa thanh toán cho các cổ động với số tiền là 3.565.906.000 đồng.

16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2011	31/12/2010
	VND	VND
Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	66.690.000.000
Công ty CP Tập đoàn Việt Long	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.000.000	-
	40.300.000.000	79.690.000.000

Phải trả dài hạn khác phản ánh khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Tập đoàn Việt Long (theo Hợp đồng số 26/2010/HĐHT ngày 28/9/2010) và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (theo Hợp đồng số 17/VP/HĐHT-PVR-PVC.SG) về việc chuyển nhượng một phần quyền phát triển dự án Khu đô thị Văn Phú, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội từ Công ty cho các đơn vị này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn phản ánh khoản vay từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương với số tiền rút tối đa là 315.840.000.000 đồng trong thời hạn 24 tháng cho mục đích "Bổ sung vốn thực hiện hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương thực hiện đầu tư dự án tổ hợp công trình văn phòng làm việc, dịch vụ thương mại tại số 09 Trần Thánh Tông, phường Bạch Đằng, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành trong tương lai từ khoản vay là toàn bộ số cổ phần của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bình An do Công ty Cổ phần Kinh doanh dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam nắm giữ. Khoản vay này chịu lãi suất 20% tại thời điểm giải ngân, lãi suất được điều chỉnh 3 tháng một lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên, bằng lãi suất huy động VND kỳ hạn 12 tháng lãi trả cuối kỳ cộng biên độ 4,5%. Số tiền đã giải ngân tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 175 tỷ đồng.

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn điều lệ VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2010	300.000.000.000	-	-	4.349.318.886	1.209.439.141	19.857.654.750	325.416.412.777
Tăng do góp vốn	95.718.480.000	7.910.001.000	-	-	-	-	103.628.481.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	25.097.116.620	25.097.116.620
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	637.220.984	318.610.492	(1.847.940.855)	(892.109.379)
Chi quỹ trong năm	-	(100.000.000)	-	-	-	-	(100.000.000)
Tại ngày 31/12/2010	395.718.480.000	7.810.001.000	-	4.986.539.870	1.528.049.633	43.106.830.515	453.149.901.018
Tăng do góp vốn	135.290.650.000	3.978.943.000	-	-	-	-	139.269.593.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	20.699.344.921	20.699.344.921
Phân phối cho các quỹ (i)	-	-	-	2.509.711.662	1.254.855.831	(3.764.567.493)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	-	(3.513.596.324)	(3.513.596.324)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	-	(30.000.000.000)	(30.000.000.000)
Tăng khác	-	-	(5.223.613.685)	-	-	-	(5.223.613.685)
Tại ngày 30/6/2011	531.009.130.000	11.788.944.000	(5.223.613.685)	7.496.251.532	2.782.905.464	26.528.011.619	574.381.628.930

(i) Công ty đã trích Quỹ đầu tư phát triển; Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; và Quỹ khen thưởng phúc lợi, Quỹ thưởng ban điều hành từ lợi nhuận sau thuế của năm 2010 theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 với số tiền tương ứng là 2.509.711.662 đồng, 1.254.855.831 đồng và 3.513.596.324 đồng. Công ty cũng thực hiện trả cổ tức cho các cổ đông với số tiền là 30.000.000.000 đồng (tương ứng với 1000 đồng/cổ phần).

Vốn điều lệ

Tình hình góp vốn điều lệ của các cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 như sau:

	Vốn thực góp tại ngày 30/06/2011		Vốn thực góp tại ngày 31/12/2010	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	43.500.000.000	8,19%	30.000.000.000	7,58%
Công ty ĐT&TM Hệ thống Quốc tế	29.000.000.000	5,46%	29.000.000.000	7,33%
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	43.500.000.000	8,19%	30.000.000.000	7,58%
Tổng Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí	23.126.500.000	4,36%	23.126.500.000	5,84%
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	167.590.800.000	31,56%	106.944.000.000	27,03%
Ngân hàng TMCP Đại Dương	120.000.000.000	22,60%	79.000.000.000	19,96%
Cổ đông khác	104.291.830.000	19,64%	97.647.980.000	24,68%
	531.009.130.000	100%	395.718.480.000	100%

Tổng số cổ phần Công ty đăng ký và phát hành ra công chúng tại ngày 30 tháng 6 năm 2011 là 53.100.913 cổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lãi từ các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	30.423.920.436	7.596.999.700
Lãi từ hoạt động ủy thác quản lý vốn	9.988.850.556	3.503.369.444
Lãi từ hoạt động bán chứng khoán	8.847.786	1.218.373.449
Chuyển nhượng quyền góp vốn	-	1.200.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	444.218.500	536.214.000
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	228.661.046	148.168.980
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	18.440.532
	41.094.498.324	14.221.566.105

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	27.629.720.397	7.707.269.148
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	444.218.500	536.214.000
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	536.000.000	139.000.000
Thu nhập chịu thuế	27.721.501.897	7.310.055.148
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.930.375.476	1.827.513.788

21. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ ngày 01/01/2011 đến ngày 30/06/2011	Từ ngày 01/01/2010 đến ngày 30/06/2010
Lợi nhuận thuần trong kỳ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	VND 20.699.344.921	5.879.755.360
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại thời điểm cuối kỳ	Cổ phần 48.720.172	30.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VND/Cổ phần 425	196

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

22. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2011 đến 30/6/2011 VND	Từ 01/01/2010 đến 30/6/2010 VND
Nhận vốn góp điều lệ		
Tổng Công ty CP Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	13.500.000.000	-
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	13.500.000.000	-
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	60.646.800.000	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương	41.000.000.000	-
Thu nhập từ đầu tư tài chính ngắn hạn		
Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam	9.619.355.556	3.503.369.444
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	1.216.538.151	683.866.667
Ngân hàng TMCP Đại Dương	6.946.536.214	-
Chi phí Xây dựng cơ bản		
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	29.090.909.091	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	320.409.091	-
Lãi tiền vay		
Ngân hàng TMCP Đại Dương	21.636.666.667	-
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.198.191.342	874.914.003

Số dư với các bên liên quan:

	30/6/2011 VND	31/12/2010 VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
Ngân hàng TMCP Dầu khí Toàn cầu	41.000.000.000	8.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương	56.000.000.000	122.000.000.000
Ủy thác quản lý vốn		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	110.000.000.000	82.000.000.000
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Khách sạn và Dịch vụ Đại Dương	50.000.000.000	-
Phải thu lãi tiền gửi có kỳ hạn		
Tổng Công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam	988.888.891	796.333.333
Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu	367.500.000	167.111.111
Ngân hàng TMCP Đại Dương	321.611.111	663.695.789
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Thi công cơ giới và Lắp máy Dầu khí	9.524.255.200	-
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Đầu tư Dầu khí	345.950.000	-
Công ty CP Xây lắp Dầu khí Hà Nội	1.000.000.000	-
Người mua trả tiền trước		
Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	387.450.000	-
Vay ngắn hạn và dài hạn		
Ngân hàng Thương mại cổ phần Đại Dương	415.000.000.000	240.000.000.000
Phải trả dài hạn khác		
Nhận đặt cọc từ Công ty Cổ phần đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam	-	66.690.000.000
Nhận đặt cọc từ Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	27.300.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH DỊCH VỤ CAO CẤP DẦU KHÍ VIỆT NAM
Số 20, ngõ 4 phố Hải Phượng, phường Hồng Hải
Thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2011
đến ngày 30 tháng 6 năm 2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

23. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu của bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu của kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 30 tháng 6 năm 2010 đã được soát xét.



Nguyễn Tuấn Anh
Giám đốc

Quảng Ninh, ngày 12 tháng 8 năm 2011

Nguyễn Hữu Tùng
Kế toán trưởng